HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21 /2022/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 9 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030";

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Nội dung và mức chi

Nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, BVHXH (dtqq).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN "XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2030"
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Nội dung	Mức chi
1	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm	Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 21/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
2	Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi
3	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
4	Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/ công nhận các mô hình học tập	
a)	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch, đánh giá, xếp loại/ công nhận các mô hình học tập	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi

b)	Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	Áp dụng mức chi tối đa theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
5	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng	Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh
6	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	
a)	Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát, phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Áp dụng mức chi tối đa theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
b)	Đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ được nhà nước hỗ trợ học phẩm	Học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp học xóa mù chữ trong phạm vi danh mục hỗ trợ học phẩm đối với cấp trung học cơ sở quy định tại Khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc. UBND tỉnh phê duyệt danh mục tên học phẩm và số lượng học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp học xóa mù chữ

c)	Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	
-	Chi hỗ trợ thắp sáng đối với lớp học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ban đêm	Chi thực tế theo thời gian thực học nhưng không quá 80.000 đồng/lớp/tháng
-	Chi hỗ trợ mua hồ sơ, sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho giáo viên để hoàn thành 01 môn học ở lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Chi theo thực tế nhưng không quá 120.000 đồng/lớp
-	Chi mua sách giáo khoa dùng chung	Chi theo thực tế, đảm bảo mỗi học viên được mượn 01 bộ sách tương ứng với từng lớp học mà học sinh đó đang theo học. Đơn vị được giao tổ chức lớp học có trách nhiệm tổ chức tốt việc cho mượn và bảo quản sách giáo khoa để được sử dụng lâu dài, có hiệu quả
-	Chi hỗ trợ cho người tham gia tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	220.000 đồng/01 học viên đến lớp và hoàn thành lớp học
d)	Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập	
-	Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về Chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
-	Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

đ)	Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy)	
-	Tiền công theo hợp đồng lao động giảng dạy các lớp xóa mù chữ	Mức chi trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
-	Hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên (trong trường hợp được huy động) tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ	Thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi
7	Chi khen thưởng	Theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.